

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

Tháng 3 năm 2018

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	9 - 38

ĐÃ
ĐÁ
VAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Võ Anh Linh	Chủ tịch
2. Ông Nguyễn Đức Lương	Thành viên
3. Ông Nguyễn Văn Độ	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2017)
4. Ông Vũ Việt Tùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 06 năm 2017)
5. Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 06 năm 2017)
6. Bà Phạm Thị Thu Hà	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2017)
7. Bà Nguyễn Thị An Ly	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2017)

Ban kiểm soát

1. Ông Nguyễn Văn Phong	Trưởng Ban kiểm soát
2. Ông Hoàng Trung Dũng	Thành viên
3. Bà Phạm Ngọc Mai	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 02 năm 2017)
4. Ông Phạm Vĩnh Phú	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2017)

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Nguyễn Văn Độ	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 06 tháng 10 năm 2017)
2. Ông Nguyễn Công Khời	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 06 tháng 10 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvieta.com.vn Website: www.ifcvieta.com.vn

Số: 033108/2018/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 31 tháng 03 năm 2018 từ trang 5 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Phạm Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0747-2018-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2018

Trần Thiện Thanh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2018-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		310.184.268.788	360.811.691.704
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.051.347.657	36.449.075.221
1. Tiền	111		10.051.347.657	30.849.075.221
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	5.600.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		191.908.409.604	161.977.564.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.6	192.827.409.604	183.415.225.883
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.6	(919.000.000)	(21.437.661.883)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		79.136.110.640	138.052.677.206
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	41.464.633.823	70.696.053.741
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	9.355.110.179	17.638.371.553
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4a	22.700.000.000	20.300.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	40.045.415.622	47.089.549.626
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(36.116.056.550)	(19.358.305.280)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.687.007.566	1.687.007.566
IV. Hàng tồn kho	140		22.011.666.027	22.278.154.491
1. Hàng tồn kho	141	V.8	22.011.666.027	22.278.154.491
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.076.734.860	2.054.220.786
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		23.094.551	17.686.673
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.054.049	2.036.534.113
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.044.586.260	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		161.743.185.989	95.038.664.229
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		43.157.012.500	56.815.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4b	43.100.197.500	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		56.815.000	56.815.000
II. Tài sản cố định	220		1.082.796.166	1.775.341.873
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.082.796.166	1.775.341.873
- Nguyên giá	222		11.594.370.223	14.298.637.665
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.511.574.057)	(12.523.295.792)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		378.200.000	378.200.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(378.200.000)	(378.200.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		39.432.169.765	39.432.169.765
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.11	33.805.321.803	33.805.321.803
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	5.626.847.962	5.626.847.962
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		77.556.185.611	53.003.131.975
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	28.525.012.373	45.040.215.534
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.14	14.210.875.000	14.210.875.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.15	56.248.256.797	15.180.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.13,15	(21.427.958.559)	(21.427.958.559)
V. Tài sản dài hạn khác	260		515.021.947	771.205.616
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		515.021.947	771.205.616
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		471.927.454.777	455.850.355.933

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		267.020.409.075	243.859.991.817
I. Nợ ngắn hạn	310		65.684.780.589	92.236.029.999
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	21.937.447.098	16.149.298.735
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	4.715.174.104	5.602.335.963
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	5.105.770.772	6.922.255.332
4. Phải trả người lao động	314		582.992.973	952.656.348
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	4.311.092.277	4.124.417.513
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	23.498.429.321	51.348.794.884
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21	5.425.311.807	7.027.708.987
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		108.562.237	108.562.237
II. Nợ dài hạn	330		201.335.628.486	151.623.961.818
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.226.061.818	1.226.061.818
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	642.900.000	1.197.900.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22	199.466.666.668	149.200.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		204.907.045.702	211.990.364.116
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	204.907.045.702	211.990.364.116
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		179.999.990.000	179.999.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		179.999.990.000	179.999.990.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		35.684.263.731	35.684.263.731
3. Cổ phiếu quỹ	415		(10.792.686.881)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.646.195.601	27.646.195.601
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(27.630.716.749)	(31.340.085.216)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(31.340.085.216)	(52.016.359.235)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.709.368.467	20.676.274.019
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		471.927.454.777	455.850.355.933



Đặng Thị Đoàn Trang

Người lập

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2018



Trần Thị Len

Kế toán trưởng



Nguyễn Công Khôi

Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	25.989.159.384	142.780.136.220
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	559.533.858
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	25.989.159.384	142.220.602.362
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	26.396.017.230	140.304.679.780
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(406.857.846)	1.915.922.582
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	39.662.393.063	24.655.262.104
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.903.253.524	36.911.218.443
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.977.040.763	6.335.496.436
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	487.084.672	876.539.925
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	22.900.654.825	12.062.698.856
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.964.542.196	(23.279.272.538)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.808.715.802	60.935.491.053
12. Chi phí khác	32	VI.8	4.063.889.531	1.693.380.977
13. Lợi nhuận khác	40		(2.255.173.729)	59.242.110.076
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.709.368.467	35.962.837.538
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	15.286.563.519
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.709.368.467	20.676.274.019



Đặng Thị Đoàn Trang
Người lập
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2018



Trần Thị Len
Kế toán trưởng



Nguyễn Công Khởi
Tổng Giám đốc

